

Số: 41/BC-HĐND

Nam Định, ngày 27 tháng 11 năm 2018

BÁO CÁO

Kết quả giám sát chuyên đề

“Công tác phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh Nam Định, giai đoạn 2014 – 2018”

Thực hiện Nghị quyết số 09/NQ-HĐND ngày 25/12/2017 của Thường trực HĐND tỉnh về chương trình giám sát năm 2018, ngày 16/7/2018 Thường trực HĐND tỉnh đã ban hành Quyết định số 10/QĐ-HĐND thành lập Đoàn giám sát chuyên đề của Thường trực HĐND tỉnh về “Công tác phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh Nam Định, giai đoạn 2014 - 2018”. Đoàn giám sát đã xây dựng kế hoạch và tổ chức khảo sát thực tế các tuyến đê biển, đê sông và các dự án trồng rừng phòng hộ ven biển trên địa bàn tỉnh; giám sát trực tiếp tại Ban quản lý Vườn Quốc gia Xuân Thủy; Đài Khí tượng thủy văn Nam Định; UBND các huyện: Hải Hậu, Nghĩa Hưng, Giao Thủy; Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Kế hoạch và Đầu tư và giám sát thông qua việc xem xét báo cáo đối với Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Xây dựng, Sở Giao thông vận tải, Sở Thông tin và Truyền thông, Công an tỉnh, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh; UBND các huyện: Vụ Bản, Mỹ Lộc, Ý Yên, Nam Trực, Trực Ninh, Xuân Trường và UBND thành phố Nam Định. Trong quá trình giám sát, Đoàn giám sát đã nhận được sự phối hợp, tạo điều kiện thuận lợi của các địa phương và các sở ngành liên quan.

Qua nghiên cứu tài liệu và khảo sát, giám sát trực tiếp tại các cơ quan, đơn vị, địa phương, Đoàn giám sát báo cáo kết quả như sau:

***Khái quát chung về tình hình thiên tai và ảnh hưởng của biến đổi khí hậu đối với tỉnh trong thời gian vừa qua**

Trong giai đoạn 2014 – 2018, tình hình thiên tai trên địa bàn tỉnh có nhiều diễn biến phức tạp. Năm 2014 và 2015, thiên tai xảy ra ở mức độ trung bình. Năm 2016, ảnh hưởng của rét đậm, rét hại kỷ lục trong 40 năm và ảnh hưởng nặng nề do bão, áp thấp nhiệt đới, trong đó cơn bão số 1 đổ bộ trực tiếp vào tỉnh Nam Định, tổng giá trị thiệt hại trên 3.100 tỷ đồng. Năm 2017, tỉnh Nam Định cũng chịu nhiều ảnh hưởng của thiên tai: bão, áp thấp nhiệt đới, lũ, mưa lớn; đặc biệt có thời điểm đồng thời xảy ra “thiên vũ, lũ giáng, biển dâng” gây thiệt hại lớn đến

công trình đê điều và ảnh hưởng lớn đến sinh hoạt, sản xuất của nhân dân với tổng thiệt hại do thiên tai gây ra đối với tỉnh năm 2017 là trên 1.969 tỷ đồng.

Tỉnh Nam Định là tỉnh duyên hải của đồng bằng Bắc Bộ có 72 km bờ biển, chịu ảnh hưởng trực tiếp của bão và áp thấp ở biển Đông. Đặc biệt trong bối cảnh biến đổi khí hậu (BĐKH) diễn biến ngày càng phức tạp, khó lường hơn thì các hiện tượng nước biển dâng, xâm nhập mặn, bão, lũ, lụt, xói lở bờ biển, suy giảm đa dạng sinh học là những vấn đề lớn nhất về ảnh hưởng của BĐKH mà Nam Định đã và đang gặp phải. Thực tế cho thấy ảnh hưởng của BĐKH ở tỉnh Nam Định đang diễn ra nhanh và phức tạp hơn so với dự báo: ảnh hưởng của nước mặn xâm nhập ngày càng sâu hơn ở các tuyến sông; một số khu vực bãi bồi ven biển xói lở ngày càng nhanh hơn; các cơn bão đổ bộ vào Nam Định có xu hướng cường độ mạnh hơn và diễn biến bất thường như cơn bão số 10 năm 2017, mặc dù Nam Định không phải là vùng chịu ảnh hưởng trực tiếp của bão nhưng trong điều kiện triều cường, nước biển dâng, gió mạnh cấp 9-10, sóng biển đã tràn qua đê làm sạt lở 2,7 km mái trong đê biển tại 03 điểm thuộc huyện Hải Hậu...

A. VỀ CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI

I. Kết quả đạt được

1. Công tác phổ biến, tuyên truyền và triển khai thực hiện nhiệm vụ và quy định của pháp luật về phòng, chống thiên tai

- Các địa phương, ngành chức năng của tỉnh đã tổ chức quán triệt, thực hiện nghiêm túc Luật Phòng, chống thiên tai, các luật liên quan, các văn bản hướng dẫn thi hành cũng như các văn bản chỉ đạo của Chính phủ, các Bộ, ngành Trung ương, của tỉnh liên quan đến công tác phòng, chống thiên tai.

- Việc phổ biến, tuyên truyền về công tác phòng, chống thiên tai được thực hiện với nhiều hình thức đa dạng, phong phú như: tuyên truyền phổ biến trên hệ thống thông tin đại chúng; thực hiện lồng ghép tuyên truyền vào các hội nghị sơ kết, tổng kết, hội thảo về công tác phòng, chống thiên tai các cấp; đào tạo huấn luyện các đội ứng phó nhanh ở cấp cộng đồng tại một số xã ven biển; tổ chức ngày hội trường học về giảm nhẹ rủi ro thiên tai tại các trường tiểu học, treo các biển tuyên truyền tại các điểm sinh hoạt cộng đồng cấp xã...

2. Công tác xây dựng, tổ chức thực hiện kế hoạch phòng, chống thiên tai

2.1. Công tác xây dựng và phê duyệt kế hoạch phòng, chống thiên tai

- Hằng năm, UBND tỉnh, các huyện, thành phố, các sở ban ngành đều thành lập Ban chỉ huy Phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn (PCTT&TKCN); phân công nhiệm vụ, trách nhiệm cụ thể cho từng đơn vị, thành viên.

- UBND tỉnh đã ban hành nhiều văn bản về tăng cường công tác quản lý đê điều và chuẩn bị sẵn sàng hộ đê, phòng chống thiên tai. UBND tỉnh đã ban hành kế hoạch số 28/KH-UBND ngày 09/3/2018 về kế hoạch phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh giai đoạn 2018-2020.

2.2. Công tác triển khai kế hoạch cụ thể về phòng, chống thiên tai

- Trước mùa lũ, bão hàng năm, Thường trực Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh tổ chức kiểm tra công tác chuẩn bị phòng, chống thiên tai; chỉ đạo các địa phương, các ngành liên quan tu bổ, sửa chữa những công trình đê, kè, cống xung yếu, tổng kiểm tra đê điều trước mùa lũ, chỉ đạo diễn tập và thực hành phương án hộ đê; phương án phòng chống lụt bão trên địa bàn. Thanh tra tỉnh chủ trì phối hợp với Thanh tra Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã tiến hành thanh tra công tác PCTT&TKCN ở các địa phương, đơn vị. Qua thanh tra, kết luận, bỏ khuyết kịp thời các sai sót, chấn chỉnh sai phạm, tránh sự chủ quan lơ là của các địa phương, đơn vị.

- Việc chuẩn bị vật tư, phương tiện, nhân lực phục vụ công tác PCTT&TKCN theo phương châm “bốn tại chỗ” được thực hiện nghiêm túc; chủ động kiểm kê vật tư dự trữ; mua bổ sung vật tư dự trữ; điều chuyển tập kết vật tư phòng chống lụt bão thiết yếu tại những đoạn đê, kè xung yếu.

- Ban chỉ huy PCTT&TKCN tỉnh, các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố cơ bản duy trì tốt chế độ thường trực phòng, chống thiên tai; theo dõi chặt chẽ diễn biến của thiên tai, kịp thời ban hành các Công điện ứng phó với thiên tai, và có giải pháp phòng, chống, khắc phục nhanh hậu quả của thiên tai; đảm bảo chế độ thông tin, báo cáo theo quy định. Hàng năm, UBND tỉnh đều tổ chức hội nghị tổng kết công tác phòng, chống thiên tai.

3. Kết quả thực hiện chương trình củng cố, nâng cấp đê sông, đê biển trên địa bàn tỉnh trong thời gian qua

3.1. Đối với đê biển

Tuyến đê biển tỉnh dài 91 km, qua 3 huyện: Hải Hậu (33 km), Nghĩa Hưng (26 km), Giao Thủy (32 km), đến nay đã nâng cấp được 64,7 km trong tổng số 76,6 km đê trực diện với biển và đã cơ bản nâng cấp toàn bộ mặt đê, đã đầu tư làm 80 mỏ kè bảo vệ 10,97 km đê trực diện với biển; còn lại khoảng hơn 30 km đê trực diện với biển không có bãi chưa có mỏ kè bảo vệ.

Thực hiện Quyết định số 58/2006/QĐ-TTg ngày 14/3/2006 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình đầu tư củng cố, bảo vệ và nâng cấp đê biển hiện có tại các tỉnh có đê từ Quảng Ninh đến Quảng Nam; từ năm 2006 đến 30/6/2018, UBND tỉnh đã phê duyệt 23 dự án đầu tư nâng cấp và xử lý cấp bách hệ thống đê biển với tổng mức đầu tư là 2.306 tỷ đồng; trong đó có 14 dự án đã hoàn thành và phê duyệt quyết toán, 02 dự án đã hoàn thành nhưng chưa phê

duyệt quyết toán, 06 dự án chưa hoàn thành, 01 dự án chưa triển khai. Nguồn vốn đã bố trí cho các dự án là 1.598 tỷ đồng (có biểu số 01 kèm theo).

Hệ thống đê biển được đầu tư nâng cấp đã tăng cường tốt cho công tác phòng chống bão, bảo vệ an toàn tính mạng, tài sản và phát triển kinh tế xã hội của tỉnh, đặc biệt là đối với 3 huyện ven biển Giao Thủy, Hải Hậu, Nghĩa Hưng.

3.2. Đối với đê sông

- Tuyến đê sông của tỉnh Nam Định có chiều dài 274km, gồm 8 tuyến đê chính được phân cấp từ cấp I đến cấp III (63,081km đê hữu sông Hồng; 25,53 km đê hữu sông Đào; 30,07km đê tả sông Đào; 41,556km đê hữu sông Ninh Cơ; 43,212km đê tả sông Ninh Cơ; 66,717km đê tả sông Đáy; 1,68km đê Nam Quần Liêu; 1,79 km đê Bắc Quần Liêu). Theo báo cáo của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, đến nay đã nâng cấp 159 km mặt đê đổ bê tông, 27 km mặt đê láng nhựa, bê tông nhựa; 14,616 km tường kè và nâng cấp 97 km kè; còn lại phần lớn đã được gia cố bằng đá cấp phối.

- Thực hiện Quyết định số 2068/QĐ-TTg ngày 09/12/2009 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chương trình nâng cấp hệ thống đê sông đến năm 2020, từ năm 2010 đến 30/6/2018, trên địa bàn tỉnh đã có 55 dự án đầu tư nâng cấp và xử lý cấp bách hệ thống đê sông với tổng mức đầu tư là 5.199 tỷ đồng; trong đó có 31 dự án đã hoàn thành và phê duyệt quyết toán, 05 dự án đã hoàn thành nhưng chưa phê duyệt quyết toán, 19 dự án chưa hoàn thành. Nguồn vốn đã bố trí cho các dự án là 1.998 tỷ đồng (có biểu số 02 kèm theo).

Tại kỳ họp thứ 7 HĐND tỉnh, UBND tỉnh trình HĐND tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư dự án xử lý cấp bách các công trình đê điều của tỉnh Nam Định bị ảnh hưởng của bão, lũ năm 2017, trong đó nguồn kinh phí hỗ trợ từ ngân sách Trung ương là 200 tỷ đồng.

4. Công tác trồng, bảo vệ rừng phòng hộ, phục hồi hệ sinh thái rừng phòng hộ; quản lý bãi bồi ven sông, ven biển

- Công tác quản lý bảo vệ rừng phòng hộ cơ bản đã được chính quyền các cấp quan tâm, thường xuyên tuyên truyền các chính sách pháp luật của Nhà nước trong công tác quản lý, bảo vệ rừng, bảo tồn thiên nhiên và hướng dẫn các biện pháp bảo vệ rừng, phòng cháy chữa cháy rừng và xử lý các vụ việc vi phạm pháp luật về quản lý bảo vệ rừng. Công tác trồng rừng, bảo vệ rừng phòng hộ ven biển đã góp phần tạo bãi bồi ven biển, bảo vệ đê biển. Hiện nay toàn bộ diện tích rừng phòng hộ và bãi bồi ven biển, cửa sông giao cho UBND các xã quản lý theo địa giới hành chính; diện tích rừng, đất rừng đặc dụng Vườn Quốc gia Xuân Thủy được giao cho Ban quản lý Vườn Quốc gia Xuân Thủy quản lý.

- Từ năm 2014 đến nay, trên địa bàn tỉnh đã triển khai 03 dự án trồng rừng ven biển bao gồm: Dự án Phục hồi tài nguyên, hệ sinh thái bị suy thoái vùng ven

bờ tỉnh Nam Định tại huyện Nghĩa Hưng với diện tích 36,1 ha, tổng mức đầu tư 8,721 tỷ đồng; Dự án Giảm sóng, ổn định bãi và trồng rừng ngập mặn bảo vệ Nam Cồn Xanh, huyện Nghĩa Hưng với diện tích trồng là 70,71 ha, tổng mức đầu tư 21,372 tỷ đồng; Dự án Bảo vệ và phát triển rừng phòng hộ ven biển tỉnh Nam Định giai đoạn 2015 – 2020 tại 3 huyện Hải Hậu, Giao Thủy, Nghĩa Hưng với diện tích trồng là 141,07 ha, tổng mức đầu tư 49,149 tỷ đồng. Đến thời điểm hiện tại, Dự án Phục hồi tài nguyên, hệ sinh thái bị suy thoái vùng ven bờ tỉnh Nam Định tại huyện Nghĩa Hưng đã hoàn thành, chủ đầu tư là Sở Tài nguyên và Môi trường đã nghiệm thu và bàn giao cho các xã trực tiếp quản lý chăm sóc và bảo vệ. Dự án Giảm sóng, ổn định bãi và trồng rừng ngập mặn bảo vệ Nam Cồn Xanh, huyện Nghĩa Hưng và Dự án Bảo vệ và phát triển rừng phòng hộ ven biển tỉnh Nam Định giai đoạn 2015 – 2020 tại 3 huyện Hải Hậu, Giao Thủy, Nghĩa Hưng cũng đã cơ bản hoàn thành; thời điểm Đoàn Giám sát khảo sát thực tế thì cơ bản diện tích rừng mới trồng đều phát triển tốt (chủ yếu đối với cây bần).

II. Những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

1. Những tồn tại, hạn chế

1.1. Công tác xây dựng, tổ chức thực hiện kế hoạch phòng, chống thiên tai:

- Hầu hết các đơn vị xây dựng kế hoạch phòng, chống thiên tai chưa cập nhật kế hoạch thực hiện trong điều kiện biến đổi khí hậu, đặc biệt là phương án phòng chống với siêu bão.

- Trên địa bàn thành phố Nam Định hiện nay còn 620 hộ với 1.768 nhân khẩu ở nhà thuộc sở hữu nhà nước thuộc diện nguy hiểm cần phải di chuyển khi có bão, thuộc địa bàn 10 phường (Trong đó: Số hộ ở chung cư 5 tầng đường Trần Đăng Ninh là 240 hộ với 602 nhân khẩu, số hộ ở chung cư 3 tầng đường Trần Huy Liệu là 67 hộ với 191 nhân khẩu). UBND thành phố chưa có giải pháp khắc phục xử lý cụ thể mà chỉ lập phương án sơ tán các hộ dân trong phòng chống bão.

- Việc thực hiện phương án phòng, chống thiên tai, phương án hộ đề toàn tuyến theo phương châm “bốn tại chỗ” ở một số huyện còn hạn chế: việc huy động nhân lực, vật tư và phương tiện còn chưa đáp ứng được yêu cầu.

- Công tác phòng chống siêu bão chưa quan tâm đúng mức. Việc cập nhật sử dụng dữ liệu bản đồ ngập lụt tại các xã vùng ven biển chưa được thường xuyên.

- Lực lượng nòng cốt tham mưu chỉ đạo, chỉ huy phòng, chống thiên tai còn hạn chế, còn lúng túng trong tham mưu chỉ đạo, chỉ huy xử lý các tình huống thiên tai khẩn cấp.

- Việc thu quỹ phòng chống thiên tai ở các doanh nghiệp còn gặp nhiều khó khăn.

- Vai trò của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức đoàn thể trong công tác phòng, chống thiên tai chưa được phát huy đầy đủ để huy động cả hệ thống chính trị trong công tác phòng, chống thiên tai.

1.2. Công tác quản lý đê điều:

- Các địa phương hầu hết đều chưa làm tốt việc phát quang mái đê trong mùa bão lũ dẫn đến khó khăn cho việc kiểm tra và phát hiện sự cố về đê điều trong mùa bão lũ.

- Hiệu quả hoạt động của lực lượng quản lý đê nhân dân còn hạn chế, nhất là chưa phối hợp tốt với lực lượng quản lý đê chuyên trách trong công tác tuyên truyền pháp luật về đê điều, kiểm tra phát hiện vi phạm và phát hiện sự cố hư hỏng công trình đê điều.

- Công tác bảo vệ hành lang đê điều còn nhiều tồn tại: việc xây dựng công trình, chất tải vật liệu xây dựng trong hành lang bảo vệ đê điều, công trình thủy lợi, trồng cây trên thân đê... còn tồn tại ở nhiều tuyến đê sông. Tình trạng làm ao, đầm nuôi trồng thủy sản ngay sát chân đê, vi phạm hành lang đê điều, ảnh hưởng đến việc duy trì và phát triển diện tích rừng phòng hộ ven biển còn diễn ra ở nhiều đoạn trên tuyến đê biển, đặc biệt là trên địa bàn huyện Hải Hậu. Nhiều vụ việc vi phạm hành lang đê điều phát sinh nhưng chưa được xử lý kịp thời và triệt để¹.

1.3. Việc thực hiện Chương trình củng cố nâng cấp đê sông, đê biển:

- Hệ thống đê sông, đê biển còn một số đoạn chưa được đầu tư nâng cấp hoặc đã được đầu tư nâng cấp lâu ngày đến nay đã xuống cấp; còn 5,816 km đê biển² và 139,44 km đê sông³ chưa được nâng cấp hoàn thiện theo tiêu chuẩn mặt cắt thiết kế, trong đó có 18,02 km đê sông chưa đảm bảo cao trình thiết kế; 3,977 km đê biển và 103,816km đê sông chưa đảm bảo mặt cắt đê theo thiết kế.

- Tiến độ thực hiện một số dự án nâng cấp hệ thống đê sông, đê biển còn chậm, có một số dự án đến nay thi công dở dang hoặc chưa hoàn thành đúng tiến độ. Cụ thể có 01 dự án nâng cấp đê biển⁴ và 04 dự án nâng cấp đê sông⁵ chưa hoàn thành theo đúng tiến độ. Dự án xử lý cấp bách các hư hỏng mái phía ngoài đê biển xã Giao Hương, xã Giao Thiện, huyện Giao Thủy đã có quyết định phê duyệt đầu tư từ tháng 6/2018 nhưng chưa được triển khai.

¹ Từ đầu năm 2018 đã phát sinh 102 vụ vi phạm mới và giải tỏa được 24 vụ, hiện nay còn tồn đọng 199 vụ vi phạm chưa giải quyết được.

² Bao gồm: 0,85 km đê biển huyện Hải Hậu; 4,966 km đê biển huyện Nghĩa Hưng.

³ Bao gồm: 34,039 km đê Hữu Hồng; 12,972 km đê Hữu Đào; 20,237 km đê Tả Đào; 37,36 km đê Hữu Ninh; 19,321 km đê Tả Ninh; 15,511 km đê Tả Đáy.

⁴ Dự án Củng cố, nâng cấp các đoạn đê, kè xung yếu thuộc tuyến đê biển tỉnh.

⁵ Cải tạo, nâng cấp đê hữu sông Đào huyện Vụ Bản; Củng cố, nâng cấp khẩn cấp tuyến đê hữu Hồng đoạn từ K156+621 đến K163+610; Cải tạo, nâng cấp khẩn cấp tuyến đê tả sông Đào từ K18+656 đến K30+073 huyện Nghĩa Hưng; Đầu tư cải tạo nâng cấp tuyến đê, kè công đê hữu sông Hồng và đê tả Đào huyện Nam Trực.

- Theo báo cáo của Sở Kế hoạch và Đầu tư, số vốn đầu tư theo các chương trình mục tiêu từ ngân sách Trung ương đã giao cho tỉnh trong giai đoạn 2016-2020 (phần vốn ngân sách Trung ương đã được chấp thuận của các dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011-2015 sang giai đoạn 2016-2020) để thực hiện các dự án đê sông, đê biển chuyển tiếp chỉ đáp ứng được khoảng 20% nhu cầu vốn hỗ trợ từ ngân sách Trung ương. Việc bố trí đủ vốn để hoàn thành các dự án đã được phê duyệt là rất khó khăn. Theo đề xuất nhu cầu đầu tư của tỉnh với các Bộ, ngành Trung ương thì kế hoạch giai đoạn 2016-2020, dự kiến triển khai 02 dự án nâng cấp đê biển⁶, 03 dự án nâng cấp đê sông⁷ với tổng mức đầu tư 1.131,9 tỷ đồng nhưng đến thời điểm hiện tại vẫn chưa được triển khai.

- Chất lượng thi công một số tuyến đê kè chưa đảm bảo theo kỹ thuật, nhất là trong việc áp trức hoàn chỉnh mặt cắt đê, bỏ đá học gia cố chân kè...

1.4. Công tác trồng và quản lý rừng phòng hộ, phục hồi hệ sinh thái rừng ngập mặn:

- Công tác trồng rừng phòng hộ ven biển còn tồn tại trong việc khảo sát lập dự án: Tư vấn, khảo sát không chính xác diện tích trồng rừng⁸. Việc thiết kế trồng xen cây bần chua và cây trang với mật độ không hợp lý, qua khảo sát thực tế cây bần đang phát triển tốt, độ che phủ cao nhưng cây trang có tỷ lệ chết khá cao dẫn đến lãng phí trong việc triển khai dự án.

- Qua khảo sát thực tế diện tích trồng rừng phòng hộ tại Vườn Quốc gia Xuân Thủy thuộc dự án “Bảo vệ và phát triển rừng phòng hộ ven biển tỉnh Nam Định giai đoạn 2015 – 2020” có diện tích cây mới trồng chết với tỷ lệ khá cao, theo báo cáo của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn nguyên nhân là do trồng xong gặp đợt rét kéo dài cuối năm 2017. Khảo sát thực tế diện tích trồng phi lao tại lô 1 thuộc xã Hải Đông, huyện Hải Hậu phần lớn phi lao phát triển từ gốc cây cũ (trước đây có thể đã bị đốn hạ hoặc do bão, gió làm cây bị gãy, đổ), tỷ lệ cây phi lao trồng mới rất ít mặc dù theo báo cáo của Chi cục Kiểm lâm trong những năm vừa qua không có hiện tượng cây Phi lao bị chặt, phá tại khu vực ven biển huyện Hải Hậu.

- Khảo sát thực tế diện tích trồng rừng thuộc dự án “Dự án Phục hồi tài nguyên, hệ sinh thái bị suy thoái vùng ven bờ tỉnh Nam Định tại huyện Nghĩa Hưng” do Sở Tài nguyên và Môi trường làm chủ đầu tư, tỷ lệ cây trồng sống và

⁶ Xây dựng khẩn cấp hệ thống mô kè và giữ bãi khu vực Hải Thịnh 3 và Cồn Tròn thuộc tuyến đê biển huyện Hải Hậu với tổng mức đầu tư là 315 tỷ đồng; Nâng cấp đê tuyến 2 hiện có trên tuyến đê biển tỉnh Nam Định với tổng mức đầu tư là 270 tỷ đồng.

⁷ Nâng cấp tuyến đê, kè cửa Ba Lạt huyện Giao Thủy với tổng mức đầu tư là 113,364 tỷ đồng; Tu bổ nâng cấp tuyến đê hữu Ninh (K23+540-:K41+560) huyện Nghĩa Hưng với tổng mức đầu tư là 283,145 tỷ đồng; Hoàn thiện và bê tông hóa mặt đê những đoạn còn lại đê Hữu Hồng và tả hữu sông Ninh Cơ, huyện Trực Ninh với tổng mức đầu tư là 150,460 tỷ đồng.

⁸ Theo kết luận của Kiểm toán Nhà nước dự án Bảo vệ và phát triển rừng phòng hộ ven biển tỉnh Nam Định giai đoạn 2015 – 2020 phải điều chỉnh giảm diện tích trồng rừng từ 324,11 ha xuống 141,07 ha, việc phải cắt giảm diện tích trồng rừng làm lãng phí gần 50 triệu đồng chi phí lập dự án đầu tư.

phát triển tốt ở diện tích trồng rừng sát đê Cồn Xanh không cao, không đủ diện tích và mật độ cây theo thiết kế, theo báo cáo của Sở Tài nguyên và Môi trường nguyên nhân do bãi trũng, cây mới trồng bị chết do bị ngập sâu.

- Các địa phương chưa thực sự quan tâm quản lý, bảo vệ và phát triển rừng ven biển ứng phó với biến đổi khí hậu. UBND tỉnh đã có văn bản chỉ đạo về việc triển khai Nghị định số 119/2016/NĐ-CP ngày 23/8/2016 của Chính phủ về một số chính sách quản lý, bảo vệ và phát triển rừng ven biển ứng phó với biến đổi khí hậu đối với các huyện ven biển trong đó “các địa phương tổ chức rà soát, chuyển các công trình xây dựng có ảnh hưởng hoặc nguy cơ ảnh hưởng đến chức năng phòng hộ của rừng ven biển ra khỏi khu vực quy hoạch rừng phòng hộ ven biển xung yếu và rất xung yếu, hành lang bảo vệ bờ biển. Đối với diện tích đất quy hoạch để bảo vệ và phát triển rừng ven biển nhưng người sử dụng đất tự ý chuyển đổi sai mục đích và đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng đất không đúng mục đích mà tiếp tục vi phạm thì Nhà nước thu hồi đất”, tuy nhiên các huyện hầu như chưa triển khai thực hiện.

- Theo báo cáo của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, diện tích rừng phòng hộ của tỉnh Nam Định từ năm 2015 đến nay giảm từ 1.893,41 ha xuống còn 1.713,46 ha (giảm 179,95 ha).

2. Nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế

2.1. Nguyên nhân khách quan

- Thiên tai những năm gần đây diễn biến phức tạp bất thường và ngày càng cực đoan.

- Nhu cầu mở bến bãi tập kết, kinh doanh vật liệu xây dựng tại các bãi sông là rất lớn và việc nuôi trồng thủy hải sản ở các xã ven biển đem lại thu nhập cao.

- Nhu cầu nguồn vốn để triển khai thực hiện các dự án thuộc chương trình nâng cấp hệ thống đê sông và đê biển của tỉnh là rất lớn, trong khi ngân sách tỉnh còn khó khăn, sự hỗ trợ của Trung ương ngày càng giảm.

2.2. Nguyên nhân chủ quan

- Ban chỉ huy phòng, chống thiên tai đã được thành lập từ tỉnh đến xã, nhưng còn thiếu cán bộ chuyên môn, đặc biệt là ở cấp xã. Mặt khác hầu hết cán bộ cấp xã chưa được đào tạo tập huấn về phòng, chống thiên tai và có nhiều biến động nên việc triển khai kế hoạch thực hiện phòng, chống thiên tai ở cơ sở còn nhiều hạn chế.

- Việc đào tạo, tập huấn nâng cao nhận thức cộng đồng về phòng, chống thiên tai chủ yếu mới được triển khai ở những địa phương có dự án lồng ghép

nội dung này; ý thức chấp hành pháp luật về đê điều và phòng chống thiên tai của nhiều cá nhân ở cộng đồng còn hạn chế.

- Nhận thức của một bộ phận cán bộ, nhân dân chưa thật sự đầy đủ, vẫn còn tư tưởng chủ quan, nhất là chủ quan không còn lũ lớn do đã có các hồ thủy điện cắt lũ từ đầu nguồn và chủ quan không chặt tỉa cành cây, chằng chống nhà cửa,... trong phòng chống bão.

- Các ngành chức năng liên quan và các địa phương chưa tập trung cao trong việc kiểm tra, xử lý kịp thời, dứt điểm các vụ vi phạm pháp luật về đê điều. Nhiều trường hợp vi phạm hành lang bảo vệ đê điều để mở bến bãi tập kết, kinh doanh vật liệu xây dựng hoặc nuôi trồng thủy hải sản không xử lý kịp thời và kiên quyết, số vụ việc vi phạm phát sinh ngày càng tăng.

- Công tác dự báo thời tiết như phạm vi khu vực ảnh hưởng của bão và áp thấp nhiệt đới còn rất rộng, việc cập nhật diễn biến của bão nhiều khi chưa kịp thời.

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn không tiến hành khảo sát đánh giá thực trạng cây trang trồng xen cây bần bị chết với tỷ lệ cao ở các dự án trồng rừng trước đó để khắc phục điều chỉnh ở các dự án sau đã gây lãng phí trong việc trồng cây trang xen cây bần tại dự án trồng rừng phòng hộ ven biển.

- Tổ chức UNESCO đã công nhận rừng ngập mặn ven biển 03 tỉnh Thái Bình, Nam Định, Ninh Bình là khu dự trữ sinh quyển đất ngập nước liên tỉnh ven biển đồng bằng châu thổ sông Hồng từ năm 2004, nhưng thực tế diện tích rừng ngập mặn khu vực huyện Nghĩa Hưng chưa được quản lý theo quy ước của Khu dự trữ sinh quyển.

- Việc các địa phương ven biển quản lý không chặt chẽ diện tích rừng phòng hộ và bãi bồi ven biển, thậm chí để xảy ra tình trạng làm ao đầm nuôi thủy sản vào diện tích đất quy hoạch đất lâm nghiệp là nguyên nhân làm cho việc bố trí đất trồng rừng phòng hộ của tỉnh Nam Định giảm 179,95 ha từ năm 2015 đến nay.

- Việc triển khai thực hiện chương trình đầu tư nâng cấp đê biển, đê sông chưa phù hợp, không lập dự án tổng thể hoặc lập dự án theo từng tuyến (đối với đê sông) và không lập dự án theo tuyến đê biển của từng huyện theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chương trình nâng cấp đê sông, chương trình nâng cấp đê biển mà lập dự án theo từng đoạn đê và theo nhiều giai đoạn. Vì vậy đến năm 2015 Chính phủ chỉ cấp vốn nâng cấp đê sông, đê biển đã có trong danh mục kế hoạch được Quốc hội phê chuẩn thì còn nhiều dự án nâng cấp đê sông, đê biển của tỉnh Nam Định chưa có kế hoạch đầu tư được Quốc hội phê chuẩn.

- Năng lực, kinh nghiệm thi công của một số nhà thầu còn hạn chế; một số nhà thầu chưa tập trung nhân lực, thiết bị để thực hiện thi công công trình dẫn

đến công trình bị chậm tiến độ. Công tác giám sát thi công của chủ đầu tư chưa chặt chẽ và sâu sát.

B. VỀ CÔNG TÁC ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

I. Kết quả đạt được

1. Công tác tuyên truyền, giáo dục và nâng cao nhận thức về biến đổi khí hậu

- Công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức về biến đổi khí hậu được thực hiện thông qua các hệ thống truyền thông từ tỉnh tới các phường, xã và thông qua các hội nghị triển khai chương trình kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu.

- Công tác tuyên truyền giáo dục nâng cao nhận thức, ý thức về ứng phó với biến đổi khí hậu, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả và bền vững tài nguyên và bảo vệ môi trường cho các tổ chức, doanh nghiệp và quần chúng nhân dân được thực hiện thông qua các lớp tập huấn, các chương trình truyền thông, các chương trình hợp tác quốc tế với các tổ chức phi chính phủ, lồng ghép công tác tuyên truyền về ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường với các hoạt động của các tổ chức đoàn thể, địa phương đã vận động người dân tham gia tích cực các hoạt động tự quản về môi trường, sử dụng tiết kiệm năng lượng, bảo vệ và phát triển rừng nhằm giảm thiểu phát thải khí nhà kính,... nhằm giúp cho người dân, cán bộ cơ sở hiểu rõ hơn về tác động của biến đổi khí hậu và biện pháp phòng ngừa và ứng phó, đặc biệt là đối với người dân ven biển nơi bị ảnh hưởng nhiều nhất của BĐKH.

2. Việc cập nhật, hoàn thiện kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu; lập và triển khai kế hoạch nâng cao năng lực ứng phó với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh

- UBND tỉnh ban hành Quyết định số 1721/QĐ-UBND ngày 13/10/2011 phê duyệt Kế hoạch hành động ứng phó với BĐKH của tỉnh Nam Định giai đoạn 2011-2015 tầm nhìn 2020 nhằm mục tiêu nâng cao khả năng ứng phó với BĐKH của tỉnh đảm bảo phát triển bền vững, bảo vệ cuộc sống nhân dân, phòng tránh và giảm nhẹ những hiểm họa của BĐKH qua đó đóng góp tích cực vào thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia ứng phó với BĐKH.

- Thực hiện Quyết định 1670/QĐ-TTg ngày 31/10/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu ứng phó với biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh giai đoạn 2016-2020; Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với đơn vị tư vấn, các Sở, ban, ngành có liên quan đang thực hiện nhiệm vụ “Cập nhật Kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu tỉnh Nam Định” theo kịch bản BĐKH và nước biển dâng do Bộ Tài nguyên và Môi trường công bố năm 2016 và dự kiến hoàn thành vào tháng 12/2018.

- Năm 2017, Sở Tài nguyên và Môi trường đã hoàn thành việc “Xây dựng phần mềm cơ sở dữ liệu, bản đồ nguy cơ ngập gây ra bởi nước dâng do bão, siêu bão theo kịch bản của nước biển dâng để phục vụ xây dựng giải pháp ứng phó” ở ba cấp tỉnh, huyện, xã; đã chuyển giao phần mềm cho Ban chỉ huy PCTT&TKCN của tỉnh, các huyện, thành phố, các xã ven biển.

3. Việc triển khai và kết quả thực hiện Chương trình hành động số 14-CTr/TU ngày 22/7/2013 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Nam Định về việc thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 03/6/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường

- UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 65/KH-UBND ngày 15/10/2013 triển khai thực hiện Chương trình hành động số 14-CTr/TU ngày 22/7/2013 của Tỉnh ủy Nam Định, Kế hoạch số 83/KH-UBND ngày 31/8/2017 triển khai Quyết định số 2053/QĐ-TTg ngày 28/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Thoả thuận Paris về biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh Nam Định.

- UBND tỉnh đã chỉ đạo thực hiện công tác quy hoạch và triển khai các dự án cải tạo, nâng cấp các tuyến đê biển, đê sông; triển khai nạo vét hệ thống sông, kênh mương; củng cố nâng cấp hệ thống cống và trạm bơm đảm bảo tưới tiêu kịp thời; qua đó đã phòng, chống, hạn chế tác động của triều cường, ngập lụt, xâm nhập mặn do nước biển dâng; từng bước triển khai thực hiện các hoạt động giảm nhẹ phát thải khí nhà kính theo lộ trình; đảm bảo các tiêu chí về môi trường trong công tác xây dựng nông thôn mới và đáp ứng được điều kiện canh tác trong bối cảnh biến đổi khí hậu, nước biển dâng.

- Sở Tài nguyên và Môi trường, Đài khí tượng thủy văn tỉnh triển khai các dự án nâng cao năng lực giám sát biến đổi khí hậu và tăng cường năng lực dự báo thời tiết và cảnh báo thiên tai trên địa bàn tỉnh.

- Các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố đã xác định các nhiệm vụ trọng tâm, đẩy mạnh thực hiện các chương trình, dự án, đề án, kế hoạch có liên quan đến ứng phó với BĐKH để đạt các mục tiêu đề ra.

4. Công tác quản lý nguồn tài nguyên (nước, khoáng sản...), bảo vệ môi trường trong điều kiện biến đổi khí hậu; đầu tư, nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị kỹ thuật phục vụ công tác quan trắc ứng phó với biến đổi khí hậu

- Công tác quản lý tài nguyên nước, khoáng sản đã được UBND tỉnh quan tâm chỉ đạo: tăng cường hoạt động điều tra cơ bản tài nguyên nước; quy hoạch khai thác, sử dụng hợp lý, hiệu quả các nguồn tài nguyên; tăng cường công tác quản lý nhà nước về tài nguyên khoáng sản.

- Về công tác bảo vệ môi trường:

+ Công tác phòng ngừa kiểm soát các nguồn ô nhiễm môi trường trong đó tập trung vào các nhiệm vụ như nâng cao hiệu quả đánh giá tác động môi trường; Thực hiện các biện pháp phục hồi môi trường sau khai thác khoáng sản; Tăng cường kiểm soát ô nhiễm môi trường; Đầu tư, nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị kỹ thuật phục vụ công tác quan trắc ứng phó với biến đổi khí hậu; Tăng cường kiểm soát chất lượng môi trường không khí khu vực đô thị có mật độ dân cư cao và kiểm soát ô nhiễm từ hoạt động sản xuất nông nghiệp; Tăng cường kiểm tra, giám sát môi trường; Đẩy mạnh chương trình dự án đầu tư xử lý chất thải chăn nuôi và xử lý nước thải ở các khu, cụm công nghiệp; Đẩy mạnh xã hội hóa công tác bảo vệ môi trường,...

+ Công tác khắc phục ô nhiễm, cải thiện chất lượng môi trường và điều kiện sống của người dân, hạn chế tác động do ô nhiễm môi trường đến sức khỏe người dân được quan tâm thực hiện như cung cấp nước sạch, dịch vụ vệ sinh môi trường; Xử lý các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng; Thực hiện chương trình khắc phục ô nhiễm và cải thiện môi trường lưu vực sông; Bảo vệ phát triển rừng, bảo tồn đa dạng sinh học,...

- Ngày 09/01/2017, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 47/QĐ-UBND phê duyệt quy hoạch mạng lưới quan trắc môi trường tỉnh Nam Định đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030. Thực hiện quan trắc hiện trạng môi trường nước mặt, môi trường không khí, nước ngầm, nước biển ven bờ, nước thải, đất với tần suất 4 lần/năm.

5. Kết quả thực hiện chuyển đổi sử dụng đất nông nghiệp; cơ cấu, giống cây trồng, vật nuôi thích ứng với biến đổi khí hậu

- Việc chuyển đổi linh hoạt đất trồng lúa đã được từng bước thực hiện. Năm 2016-2017, toàn tỉnh đã chuyển đổi được 1.532,96 ha (trong đó chuyển đổi linh hoạt là 1.079,44 ha, chuyển đổi mục đích khác là 453,18 ha) đất trồng lúa kém hiệu quả sang trồng các cây rau màu có giá trị và hiệu quả kinh tế cao như: lạc, cà chua, bí xanh, ớt, cây dược liệu... Việc chuyển đổi đất trồng lúa kém hiệu quả sang các mô hình sản xuất mới đã tạo điều kiện phát huy lợi thế canh tác hình thành nên các vùng sản xuất nông nghiệp tập trung với những phương thức sản xuất mới, tạo điều kiện ứng dụng tiến bộ kỹ thuật và cơ giới hóa, tạo ra sản lượng hàng hóa lớn và đa dạng các sản phẩm.

- Ngày 30/7/2014, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 1346/QĐ-UBND phê duyệt Đề án tái cơ cấu ngành Nông nghiệp Nam Định theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững giai đoạn 2014-2020. Theo đó, việc thực hiện chuyển đổi cơ cấu, giống cây trồng, vật nuôi, điều chỉnh mùa vụ, kỹ thuật sản xuất nông nghiệp thích ứng với biến đổi khí hậu được quan tâm. Cơ cấu giống lúa chất lượng cao chiếm hơn 70% diện tích sản xuất lúa; hiệu quả sản xuất lúa tăng 7-10% so với trước đây. Các giống cây rau màu được chuyển đổi theo hướng chất lượng, đáp ứng yêu cầu chế biến và xuất khẩu. Bộ giống trong chăn nuôi được thay thế bằng các giống ngoại có nhiều ưu thế về năng suất, sản

lượng, có sức đề kháng cao, thích nghi hơn với điều kiện thay đổi của thời tiết. Các đối tượng thủy sản được chuyển đổi mạnh sang các giống có năng suất, chất lượng cao, có thị trường ổn định. Cơ cấu mùa vụ cũng được điều chỉnh linh hoạt nhằm hạn chế tác động của thiên tai, sâu bệnh. Các biện pháp kỹ thuật canh tác mới quan tâm nhiều hơn đến môi trường và khai thác bền vững nguồn tài nguyên thiên nhiên đã được nghiên cứu áp dụng với mục tiêu hướng đến nền nông nghiệp hàng hóa, sạch, đa dạng, phát triển bền vững.

II. Những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

1. Những tồn tại, hạn chế

1.1. Công tác chỉ đạo, lãnh đạo, tuyên truyền các văn bản liên quan đến ứng phó với biến đổi khí hậu

- Công tác thông tin tuyên truyền, nâng cao nhận thức, ý thức, kiến thức về ứng phó với BĐKH cho cộng đồng chưa được thực hiện thường xuyên, nhất là trong bối cảnh BĐKH luôn diễn biến phức tạp. Việc xuất bản tài liệu tuyên truyền, xây dựng chuyên trang, chuyên mục, tổ chức tọa đàm, hội thảo chuyên đề về BĐKH chưa nhiều, chưa thường xuyên, việc tiếp cận các thông tin về các giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu trong cộng đồng còn hạn chế.

- Một số số ngành, địa phương trên địa bàn tỉnh chưa thực sự quan tâm đến vấn đề BĐKH. Sự phối hợp, trao đổi thông tin giữa các cấp, các ngành trong hành động ứng phó BĐKH chưa thường xuyên, chặt chẽ.

- Hoạt động của Ban chỉ đạo ứng phó với biến đổi khí hậu của tỉnh chưa được thường xuyên. Hầu hết các huyện chưa thành lập Ban chỉ đạo và chưa xây dựng kế hoạch ứng phó với biến đổi khí hậu.

1.2. Việc thực hiện kế hoạch ứng phó với biến đổi khí hậu

- Việc lồng ghép xây dựng quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội ở các ngành và địa phương với Kế hoạch cập nhật ứng phó với biến đổi khí hậu để thích ứng biến đổi khí hậu còn hạn chế, chủ yếu mới được thực hiện ở các ngành có nhiệm vụ liên quan trực tiếp đến phòng chống thiên tai như: nông nghiệp, giao thông, xây dựng,...

- Hệ thống các trạm quan trắc khí tượng thủy văn và biến đổi khí hậu còn thiếu so với quy hoạch, Đài Khí tượng thủy văn Nam Định mới chỉ có 01 trạm đo mặn. Dự kiến phải bổ sung mới 4 trạm đo mặn và 01 trạm giám sát biến đổi khí hậu. Chưa có sự phối kết hợp tốt giữa các ngành trong việc chia sẻ và khai thác dữ liệu quan trắc.

- Mặc dù Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã và đang tích cực tham mưu cho UBND tỉnh triển khai các giải pháp tái cơ cấu ngành nông nghiệp trong đó có nội dung chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi, tuy nhiên vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu ứng phó biến đổi khí hậu ngày càng phức tạp như hiện nay.

- Một số hộ dân nuôi trồng thủy sản trong vùng lõi Vườn Quốc gia Xuân Thủy là những tồn tại trước khi thành lập Vườn Quốc gia Xuân Thủy đến nay vẫn chưa giải quyết được. Diện tích vùng đệm Vườn Quốc gia Xuân Thủy do địa phương quản lý chỉ có ít diện tích kết hợp trồng rừng với nuôi trồng thủy sản còn lại phần lớn diện tích chỉ làm ao đầm nuôi trồng thủy sản mà không kết hợp trồng rừng.

- Công tác bảo vệ môi trường vẫn còn những tồn tại: chưa có hệ thống xử lý rác thải sinh hoạt tập trung ở đô thị và làng nghề; hầu hết các cụm công nghiệp chưa có hệ thống xử lý nước thải; vẫn còn những nguồn thải chưa được xử lý xả thải ra môi trường.

- Tình trạng khai thác cát trái phép theo phản ánh của nhân dân còn diễn biến phức tạp ở một số tuyến sông.

- Chưa có cơ chế ưu tiên về việc bố trí vốn đầu tư các dự án ứng phó với biến đổi khí hậu. Chất lượng thẩm định quy hoạch và dự án đầu tư còn hạn chế về nội dung ứng phó với biến đổi khí hậu.

- Trong danh mục các chương trình, dự án ưu tiên tại Quyết định số 1721/QĐ-UBND ngày 13/10/2011 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu của tỉnh Nam Định giai đoạn 2011-2015 tầm nhìn 2020 có 16 dự án ưu tiên thực hiện giai đoạn này, tuy nhiên do thiếu nguồn lực về tài chính nên đến nay còn nhiều dự án vẫn chưa được thực hiện.

2. Nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế

2.1. Nguyên nhân khách quan

- Hệ thống văn bản pháp luật liên quan về ứng phó với biến đổi khí hậu, còn thiếu và chưa đồng bộ.

- Biến đổi khí hậu, nước biển dâng và các hiện tượng thời tiết, khí hậu cực đoan diễn biến nhanh hơn so với dự báo, ngày càng trở nên phức tạp, khó lường, đe dọa các công trình kết cấu hạ tầng, ảnh hưởng trực tiếp tới đời sống nhân dân và phát triển kinh tế - xã hội nhất là khu vực vùng ven biển.

- Việc phân công, phân cấp trong thực hiện các nhiệm vụ ứng phó với biến đổi khí hậu từ Trung ương đến địa phương còn có những bất cập, nhất là trong việc thẩm định và phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án ứng phó với biến đổi khí hậu⁹.

⁹ Dự án Củng cố, nâng cấp kênh Cổ Lễ - Bà Nữ - Cát Chử - Thống Nhất thuộc hệ thống thủy nông Nam Ninh đã được các Bộ, ngành thẩm tra và được thông báo là dự án duy nhất của tỉnh Nam Định nằm trong danh mục ưu tiên thuộc chương trình hỗ trợ ứng phó với biến đổi khí hậu (SP-RCC) tại văn bản số 1443/TTg-QHQT ngày 19/9/2012 của Thủ tướng Chính phủ với tổng mức đầu tư dự kiến là 220 tỷ đồng, trong đó nguồn vốn của chương trình SP-RCC là 195 tỷ đồng. UBND tỉnh Nam Định đã hoàn thiện các thủ tục đầu tư, phê duyệt dự án tại Quyết định số 1226/QĐ-UBND ngày 29/7/2013. Tuy nhiên, đến nay dự án vẫn chưa triển khai thực hiện được do chưa được cấp vốn từ chương trình SP-RCC.

- Việc cập nhật kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu của tỉnh chưa kịp thời do Chương trình mục tiêu Ứng phó với biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh của Chính phủ triển khai chậm.

- Việc huy động các nguồn vốn để triển khai các dự án ứng phó với biến đổi khí hậu còn rất nhiều khó khăn.

2.2. Nguyên nhân chủ quan

- Tổ chức bộ máy, đội ngũ cán bộ làm công tác quản lý nhà nước về ứng phó với biến đổi khí hậu hầu hết là kiêm nhiệm hoặc chưa được bố trí; chuyên môn nghiệp vụ của cán bộ phụ trách lĩnh vực BĐKH ở hầu hết các cấp, đặc biệt là ở cấp xã chưa đáp ứng được yêu cầu.

- Một bộ phận cán bộ công chức các cấp và cộng đồng dân cư chưa nhận thức đầy đủ các tác động tiêu cực do BĐKH gây ra; tầm quan trọng của các giải pháp ứng phó với BĐKH và việc quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường, hướng tới phát triển bền vững.

- Công tác lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện lồng ghép nội dung ứng phó với biến đổi khí hậu trong lập quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch ngành, lĩnh vực và trong lập các dự án đầu tư chưa được quan tâm đúng mức.

- Chưa cụ thể kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu trong kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm của các cấp, các ngành.

- Nam Định là một trong những tỉnh trọng điểm sản xuất nông nghiệp của vùng đồng bằng Bắc bộ, thuộc vùng ảnh hưởng trực tiếp và nặng nề của BĐKH như bão, lũ, nước biển dâng và xâm nhập mặn, có trên 45 km bờ biển đang bị xói lở. Hệ thống đê biển mới được cải tạo nâng cấp với bão cấp 10 mức triều tấn suất 5%. Để ứng phó được với bão cấp 12, trên cấp 12 thì cần phải tiếp tục đầu tư nâng cấp với kinh phí rất lớn, nhưng nguồn kinh phí của tỉnh hiện tại rất khó khăn (là tỉnh Trung ương trợ cấp kinh phí) và các nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách Trung ương chưa đáp ứng được nhu cầu rất lớn để hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng phục vụ công tác phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh.

C. Đề xuất, kiến nghị

1. Đối với Trung ương

- Tiếp tục hoàn chỉnh thể chế về ứng phó với BĐKH đặc biệt là phân công, phân cấp trong công tác quản lý, phê duyệt chủ trương đầu tư và bố trí kế hoạch vốn đầu tư để triển khai các dự án ứng phó với biến đổi khí hậu.

- Tiếp tục đầu tư kinh phí để thực hiện hoàn chỉnh chương trình nâng cấp đê biển và chương trình nâng cấp đê sông theo chương trình đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

- Quan tâm và ưu tiên đầu tư kinh phí xây dựng hạ tầng trong kế hoạch 5 năm và hàng năm cho những tỉnh ven biển chịu ảnh hưởng trực tiếp và nặng nề của biến đổi khí hậu.

2. Đối với UBND tỉnh

- Tiếp tục đề xuất sự hỗ trợ từ nguồn ngân sách Trung ương và có kế hoạch bố trí vốn kịp thời cho các dự án nâng cấp đê sông, đê biển nhất là các dự án dở dang. Sắp xếp theo thứ tự ưu tiên đối với các dự án liên quan đến phòng chống thiên tai, ứng phó biến đổi khí hậu, để chủ động tập trung vốn triển khai thực hiện.

- Rà soát toàn bộ các công trình phòng, chống thiên tai trên địa bàn tỉnh để lập kế hoạch cải tạo, nâng cấp, bổ sung cho phù hợp trong điều kiện ảnh hưởng của biến đổi khí hậu.

- Chỉ đạo các cấp, các ngành thực hiện tốt Chương trình hành động số 14-CTr/TU ngày 22/7/2013 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Nam Định về việc thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 03/6/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường và Kế hoạch số 28/KH-UBND ngày 09/3/2018 của UBND tỉnh về kế hoạch phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh giai đoạn 2018-2020.

- Chỉ đạo các cấp, các ngành có liên quan quan tâm nâng cao chất lượng xây dựng kế hoạch phòng chống thiên tai phù hợp với tình hình biến đổi khí hậu theo kịch bản ứng phó biến đổi khí hậu của tỉnh. Kết hợp chặt chẽ giải pháp công trình và giải pháp phi công trình, kinh nghiệm truyền thống trong phòng chống thiên tai, chú trọng việc trồng tre chắn sóng ở tuyến đê sông và trồng rừng phòng hộ ở các tuyến đê biển.

- Quản lý chặt chẽ bãi bồi ven sông, ven biển, có giải pháp hợp lý tạo điều kiện phát triển bền vững khu vực cửa sông, cửa biển. Quan tâm chỉ đạo các huyện ven biển thực hiện Nghị định số 119/2016/NĐ-CP ngày 23/8/2016 của Chính phủ về một số chính sách quản lý, bảo vệ và phát triển rừng ven biển ứng phó với biến đổi khí hậu.

- Chỉ đạo giải quyết dứt điểm tình trạng các hộ nuôi trồng thủy sản trong vùng lõi vườn quốc gia Xuân Thủy và chỉ đạo xây dựng kế hoạch triển khai nuôi trồng thủy sản kết hợp trồng rừng ở vùng đệm vườn quốc gia Xuân Thủy.

- Chỉ đạo kiên quyết xử lý dứt điểm các trường hợp nuôi trồng thủy sản trên diện tích đất trồng rừng phòng hộ hoặc vi phạm hành lang bảo vệ tuyến đê biển và xử lý dứt điểm các vi phạm của các bến bãi tập kết, kinh doanh vật liệu xây dựng vi phạm hành lang bảo vệ các tuyến đê sông và hành lang bảo vệ công trình kè sông.

- Thực hiện đồng bộ các giải pháp về ứng phó với biến đổi khí hậu. Hoàn chỉnh quy hoạch thủy sản; rà soát điều chỉnh bổ sung quy hoạch thủy lợi phù hợp trong điều kiện biến đổi khí hậu.

- Nâng cao hiệu quả hoạt động của Ban chỉ đạo ứng phó với biến đổi khí hậu của tỉnh. Kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn các huyện, thành phố xây dựng kế hoạch và thành lập Ban chỉ đạo ứng phó với biến đổi khí hậu cấp huyện.

- Chỉ đạo UBND thành phố Nam Định phối hợp với các sở ngành liên quan sớm xây dựng phương án giải quyết đối với những ngôi nhà thuộc sở hữu nhà nước đã xuống cấp nghiêm trọng, thuộc diện nguy hiểm, đảm bảo an toàn tính mạng và tài sản nhân dân.

- Tăng cường và nâng cao chất lượng công tác phối hợp với tỉnh Ninh Bình, Thái Bình trong công tác ứng phó với biến đổi khí hậu nhất là trong việc xây dựng kế hoạch và xử lý các vi phạm về khai thác khoáng sản trên các tuyến sông.

3. Đối với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Tăng cường phối hợp với các địa phương trong việc kiểm tra, phát hiện và xử lý vi phạm về đê điều đặc biệt là xử lý các trường hợp nuôi trồng thủy sản vi phạm hành lang an toàn tuyến đê biển và các đối tượng tập kết nguyên vật liệu, xây dựng công trình trái phép vi phạm hành lang bảo vệ đê sông và công trình kè sông.

- Có giải pháp nâng cao hiệu quả phối kết hợp hoạt động giữa lực lượng quản lý đê chuyên trách và lực lượng quản lý đê nhân dân.

- Sớm hoàn chỉnh trình UBND tỉnh phê duyệt Quy hoạch nuôi trồng thủy sản phù hợp với điều kiện biến đổi khí hậu và tham mưu cho UBND tỉnh chỉ đạo triển khai rà soát điều chỉnh Quy hoạch thủy lợi, khắc phục tình trạng từng hộ nuôi thủy sản phải bơm nước trực tiếp từ biển để nuôi thủy sản và một số vùng canh tác nông nghiệp bị ngập úng kéo dài do ảnh hưởng của BĐKH. Sớm tham mưu trình Chính phủ phê duyệt Quy hoạch đê điều, phân cấp quản lý đê sông.

- Kiểm điểm làm rõ nguyên nhân, trách nhiệm của từng đơn vị: chủ đầu tư, tư vấn khảo sát thiết kế và đơn vị thi công về những tồn tại đối với dự án trồng rừng phòng hộ và giải quyết đảm bảo theo đúng quy định. Nghiệm thu diện tích rừng phòng hộ đúng thực tế về diện tích trồng và tỷ lệ cây sống khi hết thời gian bảo hành để quyết toán đúng thực tế và bàn giao cho địa phương quản lý. Chỉ đạo Chi cục kiểm lâm thường xuyên phối hợp chặt chẽ với chủ đầu tư và các địa phương trong việc nghiệm thu, quản lý rừng phòng hộ.

- Quan tâm hướng dẫn và tăng cường giám sát chặt chẽ việc triển khai thi công các dự án nâng cấp đê, kè đảm bảo đúng quy trình và chất lượng công trình.

- Thực hiện nghiêm túc các kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước đối với

việc khắc phục những tồn tại trong thực hiện các dự án trồng rừng¹⁰ và các dự án nâng cấp đê sông, đê biển¹¹; báo cáo kết quả thực hiện với Kiểm toán Nhà nước và Thường trực HĐND tỉnh theo quy định.

4. Đối với Sở Tài nguyên và Môi trường

- Hướng dẫn, đôn đốc các ngành, các địa phương xây dựng và triển khai thực hiện nghiêm túc kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu.

- Tăng cường công tác kiểm tra đối với sở, ngành, UBND các huyện, thành phố về công tác ứng phó với biến đổi khí hậu.

- Tham mưu cho UBND tỉnh chỉ đạo và triển khai xây dựng các trạm quan trắc về khí tượng thủy văn, trạm đo mặn và trạm giám sát biến đổi khí hậu đảm bảo theo quy hoạch. Trước mắt chỉ đạo Vườn Quốc gia Xuân Thủy và cảng Thịnh Long thực hiện xây dựng điểm quan trắc theo quy định tại Nghị định số 38/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khí tượng thủy văn.

- Tăng cường kiểm tra, hướng dẫn các xã ven biển ứng dụng phần mềm bản đồ ngập lụt trong xây dựng phương án phòng, chống thiên tai và phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Rà soát hồ sơ nghiệm thu, bàn giao đối với Dự án Phục hồi tài nguyên, hệ sinh thái bị suy thoái vùng ven bờ tỉnh Nam Định tại huyện Nghĩa Hưng để quyết toán với đơn vị thi công đúng thực tế và đúng quy định.

5. Đối với Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Tham mưu cho UBND tỉnh chỉ đạo lồng ghép nội dung ứng phó với biến đổi khí hậu trong lập và phê duyệt quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm, hàng năm và quy hoạch ngành, lĩnh vực.

- Nghiên cứu tham mưu cho UBND tỉnh có cơ chế ưu tiên đầu tư các dự án liên quan đến lĩnh vực phòng chống thiên tai, ứng phó biến đổi khí hậu.

- Chủ trì phối hợp với các sở ngành liên quan nâng cao chất lượng thẩm định các dự án về quy hoạch và đầu tư đảm bảo thực hiện tốt nhiệm vụ phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu.

¹⁰ Gói thầu Trồng rừng số 04 dự án Dự án bảo vệ và phát triển rừng phòng hộ ven biển tỉnh Nam Định giai đoạn 2015-2020 phải giảm giá trị hợp đồng từ 20.076,5 triệu đồng xuống 5.295,9 triệu đồng, trong khi gói thầu đã tạm ứng hợp đồng 6.300 triệu đồng (vượt giá trị hợp đồng 1.004,08 triệu đồng). Ngoài ra, thời gian hoàn thành theo hợp đồng của gói thầu là tháng 6/2018 nhưng đến thời điểm kiểm toán mới thi công được 20,15% khối lượng hợp đồng và từ khi điều chỉnh hợp đồng ngày 12/12/2017 nhà thầu là công ty TNHH Phương Hoàng không tiếp tục thi công khối lượng còn lại, do vậy công trình sẽ rất khó hoàn thành theo hợp đồng đã ký.

¹¹ Một số dự án có số dư tạm ứng vốn đầu tư còn lớn và quá hạn: Dự án nâng cấp khẩn cấp các đoạn đê xung yếu thuộc đê biển Nam Định dự tạm ứng 2.157 triệu đồng; Dự án nâng cấp hệ thống công trình phòng chống lụt bão đê Hữu sông Hồng và tả Đào thành phố Nam Định dự tạm ứng 1.538 triệu đồng.

6. Đối với UBND các huyện, thành phố

- Chú trọng nâng cao chất lượng công tác xây dựng phương án phòng, chống thiên tai, đặc biệt quan tâm phương án phòng chống thiên tai trong điều kiện BĐKH trong đó có phương án phòng chống siêu bão. Đảm bảo thực hiện tốt phương châm “bốn tại chỗ” với những giải pháp cụ thể và thực chất. Tăng cường thực hiện thu quỹ phòng chống thiên tai theo quy định.

- Sớm xây dựng kế hoạch ứng phó biến đổi khí hậu và thành lập Ban chỉ đạo ứng phó với biến đổi khí hậu của địa phương. Ở những địa phương đã xây dựng kế hoạch ứng phó BĐKH cần cập nhật thông tin, để bổ sung kịp thời kế hoạch ứng phó BĐKH.

- Hướng dẫn UBND các xã cập nhật, khai thác có hiệu quả cơ sở dữ liệu, bản đồ nguy cơ ngập lụt và các thông tin khí tượng, thủy văn phục vụ công tác phòng chống thiên tai.

- Tăng cường công tác quản lý đê điều, kiểm tra và phát hiện xử lý kịp thời vi phạm đê điều, không để vi phạm phát sinh và xử lý sự cố đê điều ngay từ những giờ đầu; chủ trì phối hợp chặt chẽ với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xử lý dứt điểm những vi phạm còn tồn tại.

- Tăng cường công tác quản lý hộ nuôi trồng thủy sản tại các cửa sông, ven biển, xử lý dứt điểm hộ nuôi trồng thủy sản thuộc diện tích quy hoạch trồng rừng phòng hộ hoặc vi phạm hành lang bảo vệ đê điều. Chỉ đạo các xã quản lý chặt chẽ diện tích rừng phòng hộ đã được bàn giao cho địa phương quản lý. Thực hiện tốt công tác trồng rừng phòng hộ hàng năm, nhất là ở những xã ven biển.

- Hướng dẫn UBND các xã, phường, thị trấn thực hiện đúng quy trình hỗ trợ thiệt hại khi thiên tai xảy ra, đảm bảo đánh giá chính xác, kịp thời thiệt hại và đảm bảo công khai dân chủ trong quá trình thực hiện.

Trên đây là báo cáo kết quả giám sát chuyên đề về “công tác phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh Nam Định, giai đoạn 2014 – 2018” của Thường trực HĐND tỉnh trình HĐND tỉnh tại kỳ họp thứ 7 HĐND tỉnh khóa XVIII, nhiệm kỳ 2016 - 2021./.

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy (để báo cáo);
- Thường trực HĐND, UBND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ngành liên quan;
- Thường trực HĐND, UBND các huyện, TP;
- Lưu: VT VP HĐND.

TM. ĐOÀN GIÁM SÁT
TRƯỞNG ĐOÀN - PHÓ CHỦ TỊCH
THƯỜNG TRỰC HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN



Nguyễn Việt Hưng

DANH MỤC DỰ ÁN ĐẦU TƯ, CƯỜNG CỐ NÂNG CẤP ĐÊ BIÊN TỪ 01/1/2006 ĐẾN 30/6/2018

(Kèm theo Báo cáo số 41/BC-HĐND ngày 27 tháng 11 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Tên dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Chiều dài đê (km)	Số lượng mô kê	Tổng mức đầu tư			Thời gian KC-HT	Tiến độ thực hiện	Giá trị quyết toán	Nguồn vốn đã bố trí			Vốn đã thanh toán	Số vốn còn thiếu	
						Tổng số	Nguồn vốn					Tổng số	Nguồn vốn				
							Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh					Nguồn vốn khác	Ngân sách trung ương			Ngân sách tỉnh
I	Các dự án đã hoàn thành và phê duyệt quyết toán																
1	- Kè biển bãi tắm Thịnh Long - Hải Hậu	UBND h.Hải Hậu	Hải Hậu			17.080		17.080		06-07	13.547	13.547	13.547		13.547		
2	- Kè biển bãi tắm Quất Lâm - Giao Thủy	UBND h.Giao Thủy	Giao Thủy			8.060		8.060		07-08	7.706	7.706	7.706		7.706		
3	- Khắc phục khẩn cấp hậu quả do cơn bão số 2, số 6 năm 2013 gây ra đối với kè - đường bãi tắm Quất Lâm, huyện Giao Thủy	UBND h.Giao Thủy	Giao Thủy			20.013		18.398	1.615	13-14	18.398	18.398		18.398			
4	- Đầu tư tu bổ nâng cấp khẩn cấp đê, kè Cồn Xanh thuộc tuyến đê biển huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định	Sở NN&PTNT	Nghĩa Hưng	7,9	5,2	331.700	269.641	62.059		10-15	318.426	248.370	248.370		248.370	70.056	
5	- Nâng cấp khẩn cấp một số đoạn đê kè xung yếu thuộc tuyến đê biển tỉnh Nam Định	Sở NN&PTNT	Giao Thủy, Hải Hậu, Nghĩa Hưng	19,83	20,09	618.840	299.000	319.840		09-18	527.547	467.134	291.291	175.843	467.124	60.413	
6	- Hoàn thiện mặt cắt đê và kiên cố mặt đê đoạn từ cống Cồn Nhì đê Hữu Hồng đến cống số 10 tuyến đê biển huyện Giao Thủy	UBND h.Giao thủy	Giao Thủy			53.305	50.492	2.813		10-11	46.573	45.270	43.760	1.510	45.270	1.303	
7	- Đầu tư xây dựng khẩn cấp KCH mặt đê biển đoạn từ phá Thịnh Long đến cống Quản Vinh I (tương ứng K0-6+700) đê biển huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định	Sở NN&PTNT	Nghĩa Hưng	6,7		50.456	39.000	11.456		09-12	41.591	39.600	39.000	600	41.120	471	
8	- Kè lấn biển và xây dựng hạ tầng phát triển kinh tế biển huyện Nghĩa Hưng	UBND h.Nghĩa Hưng	Nghĩa Hưng			194.227	109.000	85.227		10-17	193.535	130.940	109.000	21.940	130.940	62.595	
9	- Xử lý khẩn cấp đê kè Nghĩa Phúc đoạn từ K10+160 đến K11+358 và 9 mô kê thuộc tuyến đê biển huyện Nghĩa Hưng	Sở NN&PTNT	Nghĩa Hưng	0,22	2,13	292.406		116.406	176.000	10-15	275.182	176.869		19.169	157.700	194.869	80.313
10	- Nâng cấp đê, kè Công Đoàn - Đông Hiệu K28+800-K30+000 và 8 mô kê Đông cống Thanh Niên, huyện Giao Thủy	Sở NN&PTNT	Giao Thủy	1,16	1,16	193.724		57.724	136.000	11-15	182.700	131.180		12.680	118.500	148.680	34.020

STT	Tên dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Chiều dài đê (km)	Chiều dài kè (km)	Số lượng mô kè	Tổng mức đầu tư			Thời gian KC-HT	Tiến độ thực hiện	Giá trị quyết toán	Nguồn vốn đã bố trí				Vốn đã thanh toán	Số vốn còn thiếu
							Tổng số	Nguồn vốn					Tổng số	Nguồn vốn				
								Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh					Nguồn vốn khác	Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh		
11	- Xử lý sự cố hư hỏng kè khu du lịch thị trấn Thịnh Long, huyện Hải Hậu	UBND huyện H.Hậu	Hải Hậu				9.627		9.627		2014	8.546	8.546		8.546		8.546	
12	- Xử lý khẩn cấp giờ đầu hồ sạt lở mái đê phía đông đoạn đê Thanh Hương đoạn từ K2+500-K6+500 tuyến đê biển huyện Nghĩa Hưng	Sở NN&PTNT	Nghĩa Hưng				3.849		3.849		2015	3.662	3.662		3.662		3.662	
13	- Xử lý mái kè Cồn Tròn, mái kè mô Hải Thịnh 2, mái kè Hải Thịnh 3 bị hư hỏng, thuộc tuyến đê biển huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định	Sở NN&PTNT	Hải Hậu		1,38		5.265		5.265		2016	5.207	1.560		1.560		1.560	3.647
14	- Xử lý hư hỏng mặt đê đoạn Xuân Hà - Ba Nồn và kè bảo vệ bãi khu vực bãi biển (nhà thờ đổ) xã Hải Lý trên tuyến đê biển huyện Hải Hậu	Sở NN&PTNT	Hải Hậu	1,026	0,1		2.400		2.000	400	2017	2.213	1.300		1.300		1.300	913
II	Các dự án đã hoàn thành nhưng chưa phê duyệt quyết toán																	
1	- Sửa chữa, nâng cấp tuyến I đê biển huyện Giao Thủy và sửa chữa, nâng cấp tuyến I đê biển huyện Hải Hậu	Sở NN&PTNT	Giao Thủy, Hải Hậu				67.600	67.600			07-11		57.600	57.600			67.600	
2	- Xử lý khẩn cấp đê kè Kiên Chính và hệ thống mô kè giữ bãi đoạn từ K10+460 đến K11+562, thuộc tuyến đê biển huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định	Sở NN&PTNT	Hải Hậu		1,1	26	266.672		127.172	139.500	11-15		152.192		30.192	122.000	169.692	24.790
3	- Xử lý khẩn cấp đê kè Kiên Chính và hệ thống mô kè giữ bãi đoạn từ K10+460 đến K11+562, thuộc tuyến đê biển huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định (hạng mục công số 4 và đường cứu hộ PCLB)	Sở NN&PTNT	Hải Hậu				22.000		22.000		16-18		5.610		5.610		5.610	16.390
III	Các dự án chưa hoàn thành																	
1	- Củng cố, nâng cấp các đoạn đê, kè xung yếu thuộc tuyến đê biển tỉnh	Sở NN&PTNT	GT, HH, NH	19,19	8,17		391.435	330.000	61.435		13-20							
	+ Bố trí xử lý các đoạn đê cấp bách						98.000	98.000					44.780	44.780			44.780	9.961

STT	Tên dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Chiều dài đê (km)	Chiều dài kè (km)	Số lượng mô kè	Tổng mức đầu tư			Thời gian KC-HT	Tiến độ thực hiện	Giá trị quyết toán	Nguồn vốn đã bố trí			Vốn đã thanh toán	Số vốn còn thiếu	
							Tổng số	Nguồn vốn					Tổng số	Nguồn vốn				
								Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh					Nguồn vốn khác	Ngân sách trung ương			Ngân sách tỉnh
2	- Xử lý cấp bách hư hỏng đê biển Cồn Tròn, xã Hải Hòa từ K20+000 đến K21+340; kè và đường vào bãi tắm Thịnh Long, thị trấn Thịnh Long - huyện Hải Hậu do bão số 10 năm 2017 gây ra	Sở NN&PTNT	Hải Hậu	1,505			14.986	14.986			17-18	Đã thi công cơ bản hoàn thành, hiện đang thi công nốt phần gờ chắn bánh và bậc lên xuống phía đông; giá trị thực hiện ước đạt 14,66 tỷ đồng		16.000	16.000			
3	- Xử lý cấp bách hư hỏng đê biển đoạn Hải Thịnh II từ K21+418 đến K21+598; Hải Thịnh III từ K24+883 đến K26+993, thị trấn Thịnh Long - huyện Hải Hậu do bão số 10 năm 2017 gây ra	Sở NN&PTNT	Hải Hậu	1,121			13.207	13.207			17-18	Đã thi công cơ bản hoàn thành, hiện đang thi công nốt phần gờ chắn bánh và bậc lên xuống phía đông; giá trị thực hiện ước đạt 12,58 tỷ đồng		16.000	16.000			
4	- Xử lý cấp bách hư hỏng mái kè phía biển cống Thanh niên xã Bạch Long và mái đê biển phía Đông, đê Ang Giao Phong - xã Giao Phong thuộc tuyến đê biển huyện Giao Thủy	Sở NN&PTNT	Giao Thủy				517	517			17-18			600	600			
5	- Xử lý cấp bách hư hỏng mái kè phía biển và 05 mô kè Hải Thịnh II thị trấn Thịnh Long - thuộc tuyến đê biển huyện Hải Hậu	Sở NN&PTNT	Hải Hậu				1.986	1.986			17-18			2.400	2.400			
6	- Xử lý cấp bách một số sự cố xảy ra do đợt mưa, lũ tháng 10 năm 2017 trên tuyến đê hữu Ninh và đê Thanh Hương, đê biển huyện Nghĩa Hưng	Sở NN&PTNT	Nghĩa Hưng				12.000	9.000	3.000		18-19			9.000	9.000			
IV	Các dự án đã có quyết định phê duyệt nhưng chưa triển khai																	
1	- Xử lý cấp bách các hư hỏng mái phía ngoài đê biển xã Giao Hương, xã Giao Thiện, huyện Giao Thủy do bão số 10 năm 2017 gây ra	Sở NN&PTNT	Giao Thủy				7.945		7.945		18-19							



DANH MỤC DỰ ÁN ĐẦU TƯ, CẢI TẠO NÂNG CẤP ĐỀ SÔNG TỪ 01/01/2010 ĐẾN 30/6/2018

(Kèm theo Báo cáo số 41/BC-HĐND ngày 27 tháng 11 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Tên dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Chiều dài (km)	Chiều dài kế (km)	Tổng mức đầu tư			Thời gian KC-HT	Tiến độ thực hiện	Giá trị quyết toán	Nguồn vốn đã bố trí				Vốn đã thanh toán	Số vốn còn thiếu	
						Tổng số	Nguồn vốn					Tổng số	Nguồn vốn					
							Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh					Nguồn vốn khác	Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh			Nguồn vốn khác
I	Các dự án đã hoàn thành và phê duyệt quyết toán																	
1	Tu bổ đề điều thường xuyên 2010	Sở Nông nghiệp & PTNT	TP Nam Định, Hải Hậu, Nam Trực, Trực Ninh	8,66		28.400	28.400			2010	Đã phê duyệt quyết toán	18.290	18.290	18.290			18.290	-
2	Tu bổ đề điều thường xuyên 2011	Sở Nông nghiệp & PTNT	Huyện Trực Ninh, Nghĩa Hưng, Vụ Bản	1,01	1,31	19.414	19.413,8			2011	Đã phê duyệt quyết toán	17.647	17.647	17.647			17.647	-
3	Tu bổ đề điều thường xuyên 2012	Sở Nông nghiệp & PTNT	Huyện Nam Trực, Vụ Bản, Trực Ninh, Hải Hậu, Mỹ Lộc	16,77		14.000	14.000,0			2012	Đã phê duyệt quyết toán	11.908	11.908	11.908			11.908	-
4	Tu bổ đề điều thường xuyên 2013	Sở Nông nghiệp & PTNT	Huyện Ý Yên, Trực Ninh	0,51		16.000	16.000,0			2013	Đã phê duyệt quyết toán	15.548	15.548	15.548			15.548	-
5	Tu bổ đề điều thường xuyên 2015	Sở Nông nghiệp & PTNT	Huyện Vụ Bản, Hải Hậu, Ý Yên	6,58	0,39	27.000	27.000			2015	Đã phê duyệt quyết toán	26.886	26.886	26.886			26.886	-
6	Tu bổ đề điều thường xuyên 2016	Sở Nông nghiệp & PTNT	Huyện Vụ Bản, Ý Yên	3,21		10.000	10.000			2016	Đã phê duyệt quyết toán	9.832	9.832	9.832			9.832	-
7	Tu bổ đề điều thường xuyên 2017	Sở Nông nghiệp & PTNT	Huyện Vụ Bản, Mỹ Lộc	3,41		12.000	12.000			2017	Đã phê duyệt quyết toán	11.716	11.716	11.716			11.716	-
8	- Đường cứu hộ bê tông mặt đê và kê lát mái, bảo vệ đê bao vùng dân cư mới Điện Biên xã Giao An, huyện Giao Thủy	UBND h. Giao Thủy	G.Thủy			18.330	14.818	3.512		10-14		17.502	10.729	8.045	2.684		17.502	
9	- Cải tạo, nâng cấp một số đoạn đê xung yếu trên tuyến đê tả Ninh Cơ thuộc huyện Xuân Trường và huyện Hải Hậu	Sở NN&PT NT	X.Trường, Hải Hậu	18,74	2,984	70.201	55.600	14.601		11-15		52.922	51.750	46.750	5.000		51.750	1.172
10	Xử lý cấp bách kè Độc Bộ đoạn từ K169+500 đến K169+700 đê tả Đáy, huyện Ý Yên tỉnh Nam Định	Sở Nông nghiệp & PTNT	Huyện Ý Yên		0,2	4.989				2016-2017	Đã phê duyệt quyết toán	4.598	2.630		2.630		4.598	1.968

STT	Tên dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Chiều dài đê (km)	Chiều dài kè (km)	Tổng mức đầu tư			Thời gian KC-HT	Tiến độ thực hiện	Giá trị quyết toán	Nguồn vốn đã bố trí				Vốn đã thanh toán	Số vốn còn thiếu	
						Tổng số	Nguồn vốn					Tổng số	Nguồn vốn					
							Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh					Nguồn vốn khác	Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh			Nguồn vốn khác
11	Xử lý khẩn cấp kè Cồn Ba, kè Cồn Tư đê hữu Hồng, huyện Giao Thủy bị hư hỏng do bão số 1 năm 2016 gây ra	Sở Nông nghiệp &PTNT	Huyện Giao Thủy		0,76	8.300		8.300		2016-2017	Đã phê duyệt quyết toán	7.908	5.400		5.400		2.508	
12	Xử lý khẩn cấp một số đoạn kè bị hư hỏng do bão số 1 năm 2016 gây ra thuộc huyện Nam Trực, huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định	Sở Nông nghiệp &PTNT	huyện Nam Trực, huyện Trực Ninh		0,658	8.798		8.798		2016-2017	Đã phê duyệt quyết toán	8.265	5.300		5.300		2.965	
13	Xử lý khẩn cấp kè chống sạt lở và nâng cấp đê Hữu Hồng đoạn từ K188+833 đến K210+670 và đê tả Ninh Cơ từ K0 đến K3+880 huyện Xuân Trường	Sở Nông nghiệp &PTNT	Huyện Xuân Trường	25,737	8,87	297.876	253.458	44.346		2009-2016	Đã phê duyệt quyết toán	264.501	256.387	253.398	2.830	159	256.387	8.114
14	Xử lý khẩn cấp các kè xung yếu trên tuyến đê sông tỉnh Nam Định do hậu quả bão số 2, 3 và 6 năm 2013	Sở Nông nghiệp &PTNT	huyện Nam Trực, Trực Ninh		3,665	106.074		106.074		2013-2015	Đã phê duyệt quyết toán	91.935	55.560		55.560		55.560	36.375
15	Nâng cấp hệ thống đê tả, hữu sông Sò, tỉnh Nam Định	Sở Nông nghiệp &PTNT	Huyện Xuân Trường, Giao Thủy, Hải Hậu	19,07	18,202	330.000	201.047	128.953		2010-2017	Đã phê duyệt quyết toán	318.651	301.582	198.897	102.685		301.582	17.069
16	Xử lý cấp bách kè Đồng Lạc đoạn từ K8+500 - K8+600 và K8+850 - K9+100 đê hữu Đào huyện Vụ Bản	Sở Nông nghiệp &PTNT	Huyện Vụ Bản		0,35	9.504		9.504		2015-2016	Đã phê duyệt quyết toán	9.162	9.162		9.162		9.162	-
17	Xử lý khẩn cấp kè Chi Tây đoạn từ K197+660 - K198+220 đê tả Đáy huyện Nghĩa Hưng	Sở Nông nghiệp &PTNT	Huyện Nghĩa Hưng		0,56	14.390		14.390		2015-2016	Đã phê duyệt quyết toán	13.560	13.560		13.560		13.560	-
18	Xử lý 3 tuyến kè sạt lở cấp bách gồm: kè Phương Tường tuyến đê hữu Ninh, huyện Trực Ninh; kè Tương Nam tuyến đê hữu Hồng, huyện Nam Trực, kè Quán Khu tuyến đê hữu Ninh, huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định	Sở Nông nghiệp &PTNT	Huyện Nam Trực, huyện Nghĩa Hưng		4,54	183.829	165.000	18.829		2012-2015	Đã phê duyệt quyết toán	132.132	132.132	132.132			132.132	-
19	Xử lý khẩn cấp kè Thanh Đạo đoạn từ K15+630 - K16+000 đê hữu sông Ninh Cơ huyện Trực Ninh	Sở Nông nghiệp &PTNT	Trực Ninh	0,37	0,37	8.694					Đã phê duyệt quyết toán	8.029	8.029,00				8.029,00	
20	Kè Vị Khê từ K169+000 - K169+850 đê hữu Hồng - Nam Trực	Sở Nông nghiệp &PTNT	Nam Trực		0,85	22.760				2016-2017	Đã phê duyệt quyết toán	21.476	12.100		12.100		9.376	

STT	Tên dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Chiều dài đê (km)	Chiều dài kè (km)	Tổng mức đầu tư			Thời gian KC-HT	Tiến độ thực hiện	Giá trị quyết toán	Nguồn vốn đã bố trí			Vốn đã thanh toán	Số vốn còn thiếu
						Tổng số	Nguồn vốn					Tổng số	Nguồn vốn			
							Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh					Nguồn vốn khác	Ngân sách trung ương		
21	Xử lý cấp bách kè Mỹ Trung tương ứng từ K0+000 đến K0+200 tuyến đê ngoài hữu Đào, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định	Sở Nông nghiệp &PTNT	Vụ Bản		0,20	4.878				2016-2017	Đã phê duyệt quyết toán	3.752	2.480		2.480	1.272
22	Xử lý khẩn cấp kè Thi Châu đoạn từ K16+500 đến K16+860 đê tả sông Đào, huyện Nam Trực (Thị công từ K16+200 đến K16+860)	Sở Nông nghiệp &PTNT	Nam Trực		0,66	19.647		19.647		2014-2015	Đã phê duyệt quyết toán	19.606	19.606		19.606	
23	Xử lý cấp bách kè Trục Mỹ đoạn từ K21+200 - K21+600 đê hữu Ninh huyện Trục Ninh	Sở Nông nghiệp &PTNT	Trục Ninh		0,40	9.224		9.224		2016-2017	Đã phê duyệt quyết toán	8.627	3.820		3.820	4.807
24	Xử lý khẩn cấp sự cố sạt lở kè Trục Mỹ đoạn từ K20+778 đến K21+200 đê hữu sông Ninh Cơ, huyện Trục Ninh, tỉnh Nam Định	Sở Nông nghiệp &PTNT	Trục Ninh		0,41	5.056		5.056		2016	Đã phê duyệt quyết toán	5.056	5.056		5.056	-
25	Xử lý khẩn cấp đê bồi Ngọc Lâm xã Nghĩa Hải huyện Nghĩa Hưng bị hư hỏng do bão số 1 năm 2016 gây ra	Sở Nông nghiệp &PTNT	Nghĩa Hưng		1,03	6.440		6.440		2017	Đã phê duyệt quyết toán	6.127	4.150		4.150	1.977
26	Xử lý cấp bách kè Tam Tòa (vị trí tương ứng K178+300 đến K178+450) đê tả đày, huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định	Sở Nông nghiệp &PTNT	Nghĩa Hưng		0,15	6.333				2016	Đã phê duyệt quyết toán	5.960	3.990		3.990	1.970
27	Xử lý cấp bách kè Quán Khởi đoạn từ K17+800 - K18+170 đê hữu Đào huyện Ý Yên	Sở Nông nghiệp &PTNT	Ý Yên		0,45	9.113		9.113		2015-2016	Đã phê duyệt quyết toán	8.608	8.608		8.608	
28	Xử lý cấp bách kè Trục Mỹ đoạn từ K21+600 - K22+300 đê hữu Ninh huyện Trục Ninh	Sở Nông nghiệp &PTNT	Trục Ninh		0,71	14.996		14.996		2015-2016	Đã phê duyệt quyết toán	14.360	9.610		9.610	4.750
29	Xử lý cấp bách kè Đền Ông đoạn từ K14+550 đến K15+020 tuyến đê Hữu Ninh Cơ, thị trấn Cát Thành, huyện Trục Ninh	Sở Nông nghiệp &PTNT	Trục Ninh		0,47	12.950		12.950		2015-2016	Đã phê duyệt quyết toán	12.429	12.429		12.429	
30	Xử lý cấp bách kè Mỹ Trung 2 đoạn từ K1+736 đến K2+145 thuộc tuyến ngoài đê hữu Đào, xã Thành Lợi, Vụ Bản	Sở Nông nghiệp &PTNT	Vụ Bản		0,52	11.406		11.406		2015-2016	Đã phê duyệt quyết toán	10.808	10.808		10.808	

STT	Tên dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Chiều dài đê (km)	Chiều dài kè (km)	Tổng mức đầu tư			Thời gian KC-HT	Tiến độ thực hiện	Giá trị quyết toán	Nguồn vốn đã bố trí			Vốn đã thanh toán	Số vốn còn thiếu		
						Tổng số	Nguồn vốn					Tổng số	Nguồn vốn					
							Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh					Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh			Nguồn vốn khác	
31	- Xử lý cấp bách kè Tân Cốc đoạn từ K7+400 đến K8+000 đê hữu Đào huyện Vụ Bản	UBND h.Vụ bản	Vụ Bản			14.910		14.910		2016	14.476	12.090		12.090		2.386		
II	Các dự án đã hoàn thành nhưng chưa phê duyệt quyết																	
1	- Củng cố, xử lý trọng điểm đê tả Đáy huyện Ý Yên	UBND h.Ý Yên	Ý Yên			227.896		58.996	168.900	08-10		121.201		1.770	119.431	170.670	8.750	
2	Tu bổ đê điều thường xuyên năm 2014 tỉnh Nam Định	Sở Nông nghiệp &PTNT	Huyện Vụ Bản, Hải Hậu, Ý Yên, Nghĩa Hưng	4,35	0,66	31.596	19.999	11.597		2014		22.799	19.999	2.800		22.799	8.588	
3	Xử lý cấp bách đê, kè Nam Quần Liêu tương ứng K0 +300 -:- K0+800 tuyến đê Nam Quần Liêu, xã Nghĩa Sơn, huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định	Sở Nông nghiệp &PTNT	Nghĩa Hưng	1	0,50	8.963		8.963		2016-2017		3.760		3.760		3.760	4.192	
4	Xử lý khẩn cấp đê bồi Yên Bằng, xã Yên Bằng; đê bồi Yên Trị, xã Yên Trị, đê tả Đáy huyện Ý Yên bị hư hỏng do bão số 1 năm 2016 gây ra	Sở Nông nghiệp &PTNT	Ý Yên	0,04	1,27	6.000		6.000		2017		3.660		3.660		3.660	2.340	
5	- Xử lý cấp bách kè Tân Cốc đoạn từ K7+000 đến K7+400 và đoạn từ K8+000 đến K8+435 đê Hữu Đào huyện Vụ Bản	UBND h.Vụ Bản	Vụ Bản			9.950		9.950		16-18		5.930		5.930		5.930	1.615	
II	Các dự án chưa hoàn thành																	
1	Nâng cấp hệ thống công trình PCLB Hữu sông Hồng và tả sông Đào TPNĐ	Sở Nông nghiệp &PTNT	Thành phố	12,49	8,36	996.345	51.533	32.354	912.458	2011-2015	Dự án đã thi công xong hạng mục kè Tam Phú - Ngô Xá, hạng mục kè thành phố K0+705-K4+800 thi công dở dang; giá trị dự án thực hiện 77,96 tỷ đồng. Từ năm 2015 đến nay dự án dừng thực hiện do chưa giải phóng được mặt bằng		77.726	51.533	26.193		77.726	

STT	Tên dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Chiều dài đê (km)	Chiều dài kè (km)	Tổng mức đầu tư				Thời gian KC-HT	Tiến độ thực hiện	Giá trị quyết toán	Nguồn vốn đã bố trí				Số vốn còn thiếu	
						Tổng số	Nguồn vốn						Tổng số	Nguồn vốn				Vốn đã thanh toán
							Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	Nguồn vốn khác					Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	Nguồn vốn khác		
2	Cải tạo, nâng cấp đê hữu sông Đào huyện Vụ Bản, Tỉnh Nam Định	Sở Nông nghiệp &PTNT	Huyện Vụ Bản	22,1513	4,922	344.910	310.419	34.491		2011-2019	Dự án mới triển khai thực hiện giai đoạn 1, trong đó: Đã phê duyệt quyết toán các hạng mục Kè Lợi Đầm, kè Đê, kè Đồng Nhi, kè Đồng Lạc; hạng mục kè Mỹ Trung 2 đoạn K1+139+K1+450 và đoạn K1+620+K1+736 đã nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng; hạng mục Kè Mỹ Trung 2 đoạn K0+678 + K1+139, Đê bồi Đồng Tâm đoạn K5+010-K6+623, Kè Đồng Lạc đoạn tương ứng K7+485 - K7+999 & K8+993-K9+012,5: đã thi công cơ bản hoàn thành;đang thi công hạng mục Công Lác; giá trị thực hiện ước đạt: 70,1 tỷ đồng		79.580	70.359	9.221		69.180	265.330
3	Cải tạo, nâng cấp tuyến đê tả sông Đáy huyện Nghĩa Hưng	Sở Nông nghiệp &PTNT	Huyện Nghĩa Hưng	37,9605	9,434	950.209	855.190	95.019		2011-2018	Dự án mới triển khai thực hiện giai đoạn 1, hiện giai đoạn 1 dự án đã cơ bản hoàn thành đang hoàn thiện hồ sơ hiện trường để nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng; giá trị thực hiện ước đạt 361,2 tỷ đồng		318.553	253.553	65.000		318.553	42.672
4	Củng cố, nâng cấp khản cấp tuyến đê hữu Hồng đoạn từ K156+621 đến K163+610	Sở Nông nghiệp &PTNT	Huyện Mỹ Lộc	15,6421	4,086	287.964	241.000	46.964		2013-2017	Dự án đang triển khai thực hiện giai đoạn 1, trong đó: Đã thi công xong Kè Cống Mỹ với kè Hồng Hà, Kè Tân Đê với kè Bách Linh; Đang thi công dở dang Kè Vạn Hà, Kè Hồng Hà với kè Tân Đê; Tuy nhiên do nguồn vốn hạn chế nên hiện dự án dừng thi công; giá trị thực hiện ước đạt 52,6 tỷ đồng		48.460	48.460			48.460	239.504
5	Cải tạo, nâng cấp khản cấp tuyến đê tả sông Đào từ K18+656 đến K30+073 huyện Nghĩa Hưng	Sở Nông nghiệp &PTNT	Huyện Nghĩa Hưng	11,56	2,89	273.754	243.834	29.920		2013-2017	Dự án mới thực hiện giai đoạn 1: đã thi công xong kè Đắc Thắng, kè Hạ Kỳ, công Cốc Thành; kè Hải Lang, Bình A đang thi công dở dang, tuy nhiên do nguồn vốn hạn chế nên hiện dự án dừng thi công; giá trị thực hiện ước đạt 63,76 tỷ đồng		63.450	63.450			63.050	210.304
6	Đầu tư cải tạo nâng cấp tuyến đê, kè công đê hữu sông Hồng và đê tả Đào huyện Nam Trực	Sở Nông nghiệp &PTNT	Huyện Nam Trực	28,682	10,395	405.854	365.000	40.854		2013-2018	Đã thi công xong Kè Trường Nguyên; Kè Ngô Xá ; Kè Quán Các; 5 Mỏ kè Quán Các – An Lăng; Đê Hữu Hồng đoạn từ K171+725-K175; kè Thi Châu K16+860 đến K16+983; hiện dự án dừng thi công do nguồn vốn hạn chế; giá trị thực hiện ước đạt 69,12 tỷ đồng.		69.143	69.143			69.143	

STT	Tên dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Chiều dài đê (km)	Chiều dài kè (km)	Tổng mức đầu tư			Thời gian KC-HT	Tiến độ thực hiện	Giá trị quyết toán	Nguồn vốn đã bố trí			Vốn đã thanh toán	Số vốn còn thiếu		
						Tổng số	Nguồn vốn					Tổng số	Nguồn vốn					
							Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh					Nguồn vốn khác	Ngân sách trung ương			Ngân sách tỉnh	Nguồn vốn khác
7	Xử lý khẩn cấp kè Hồng Hà đoạn từ K160+500 đến K161+320 đê hữu Hồng, huyện Mỹ Lộc	Sở Nông nghiệp &PTNT	Huyện Mỹ Lộc		1,01	14.500				2017-2018	Đúc cầu kiện đạt 45.200CK/45.200CK; thả đá rôi đạt 2.500m ³ /3.260m ³ ; đổ bê tông đầm chân đạt 1.101m/1.101m; cơ kè đạt 1.000/1.101m; lát hoàn thiện mái kè đạt 540m/1.101m và lát mái kè 460m/1.101m đến cao trình đỉnh kè (+3,3)+(+4,0); giá trị thực hiện ước đạt 10,7 tỷ đồng		3.300		3.300			11.200
8	Xử lý khẩn cấp đê, kè Quy Phú đoạn K177 + 900 đến K180 + 050 đê hữu Hồng, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định	Sở Nông nghiệp &PTNT	Huyện Nam Trực		1,7861	160.000	160.000			2017-2020	Thả đá rôi đạt 66.000m ³ /96.412m ³ ; thả rông đạt 2.350/4.853 con; đúc cầu kiện đạt 8.500CK/35.738CK; giá trị thực hiện ước đạt 37,3 tỷ đồng		50.000	50.000				110.000
9	Xử lý cấp bách hư hỏng mái đê Phú Văn xã Hải Ninh, K39+000 + K39+500 đê tả Ninh - Hải Hậu do bão số 10 tháng 9 năm 2017 gây ra	Sở Nông nghiệp &PTNT	Huyện Hải Hậu		0,5	8.000		8.000		2018-2019	Đã giao vị trí từ 13/7/2018, địa phương đã giao mặt bằng một số vị trí, hiện đang tiếp tục thực hiện giải phóng mặt bằng.		6.000	6.000				2.000
10	Xử lý cấp bách một số đoạn đê xung yếu xảy ra sự cố do đợt mưa lũ trong tháng 10 năm 2017 trên tuyến đê tả Đáy, huyện Nghĩa Hưng	Sở Nông nghiệp &PTNT	Huyện Nghĩa Hưng		4	13.023		13.023		2018-2019	Đã giao vị trí từ 16/7/2018, địa phương đã giao mặt bằng một số vị trí, hiện đang tiếp tục thực hiện giải phóng mặt bằng.		7.000	7.000				6.023
12	Xử lý cấp bách kè Mặt Lãng đoạn từ K183+020 đến K183+640 và gia cố mặt đê đoạn từ K184+730 đến K185+240 đê hữu Hồng, huyện Trực Ninh	Sở Nông nghiệp &PTNT	Huyện Trực Ninh	0,506	0,672	14.295		14.295		2017-2018	Dự án đã cơ bản hoàn thành hiện đang hoàn thiện hồ sơ, hiện trường để nghiệm thu và bàn giao đưa vào sử dụng, giá trị thực hiện ước đạt 12,7 tỷ đồng		3.300		3.300	3.166	10.995	
13	Xử lý khẩn cấp kè Mặt Lãng K183+020 đến K185+240 đê hữu Hồng, huyện Trực Ninh bị hư hỏng do bão số 1 năm 2016 gây ra	Sở Nông nghiệp &PTNT	Huyện Trực Ninh		1,489	14.968		14.968		2016-2018	Dự án đã cơ bản hoàn thành hiện đang hoàn thiện hồ sơ, hiện trường để nghiệm thu và bàn giao đưa vào sử dụng, giá trị thực hiện ước đạt 14,69 tỷ đồng		7.820		7.820	7.620	7.148	
14	Dự án xử lý cấp bách kè Nam Quần Liêu tương ứng đoạn từ K0+200 đến K0+300 và đoạn từ K0+800 đến K1+500 thuộc tuyến đê Nam Quần Liêu, huyện Nghĩa Hưng	Sở Nông nghiệp &PTNT	Nghĩa Hưng		0,827	13.953		13953		2017-2018	Dự án đã cơ bản hoàn thành 90% khối lượng		3.300		3.300	3.300		
15	Xử lý cấp bách sự cố kè Trực Thanh đoạn K16+150 đến K16+650 tuyến đê hữu Ninh Cơ, huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định	Sở Nông nghiệp &PTNT	Trực Ninh		0,5	10.552	4000	6.552		2017-2018	Công trình cơ bản hoàn thành, đạt khoảng 97% khối lượng. Còn 10m bến đò.		1.000		1.000	1.000	9.552	

STT	Tên dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Chiều dài đê (km)	Chiều dài kè (km)	Tổng mức đầu tư			Thời gian KC-HT	Tiến độ thực hiện	Giá trị quyết toán	Nguồn vốn đã bố trí			Vốn đã thanh toán	Số vốn còn thiếu	
						Tổng số	Nguồn vốn					Tổng số	Nguồn vốn				
							Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh					Nguồn vốn khác	Ngân sách trung ương			Ngân sách tỉnh
16	Xử lý cấp bách các hư hỏng bờ bao xã Yên Bằng, huyện Ý Yên, bị nước tràn làm xói mặt và vỡ do lũ sông Đáy ngày 11/10/2017 gây ra	Sở Nông nghiệp &PTNT	Ý Yên	2,84	2,84	10.000	7000	3000		2018-2019	Đang tiến hành lựa chọn nhà thầu thi công		7.000	7.000			3.000
17	Xử lý cấp bách một số sự cố đoạn đê xung yếu bị sự cố do mưa, lũ tháng 10 năm 2017 xảy ra trên tuyến đê tả Đáy, huyện Ý Yên.	Sở Nông nghiệp &PTNT	Ý Yên	3,83		14.900	13000	1900		2018-2019	Đang tiến hành lựa chọn nhà thầu thi công		13.000	13.000			1.900
18	- Cứng hóa mặt đê bồi sông Đáy xã Yên Trị, Yên Đông và Yên Nhân, huyện Ý Yên	UBND h. Ý Yên	Ý Yên			41.093		20.547	20.546	18-20			5.000			5.000	5.000
19	- Xử lý cấp bách mái đê phía sông đoạn K7+150 đến K7+190 và đoạn K14+500 đến K16+000 đê hữu Đáo; Hoàn thiện gia cố mặt đê bê tông đoạn từ K0+700 đến K4+500 tuyến đê Đồng Tâm, huyện Vụ Bản	UBND h. Vụ Bản	Vụ Bản			14.900	8.000	6.900		17-19			8.000	8.000			